

Số: **201/2020/QĐST-VDS**

Châu Thành, ngày 30 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 297/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Trường V, sinh năm 1976;

Cư trú tại: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Chị Nguyễn Thị Kim Nễ, sinh năm 1981;

Cư trú tại: C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Trường V và chị Nguyễn Thị Kim N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do có bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ năm 2016 đến nay, hai bên đã sống ly thân. Nay anh V và chị N cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh V và chị N thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh V và chị N có 02 con chung tên Lê Đình C, sinh ngày 10/11/2004 và Lê Thế V, sinh ngày 26/12/2013. Sau khi ly hôn anh V và chị N thỏa thuận con chung sống với chị N, anh V không cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[4] Về nợ chung: Anh V và chị N cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

[5] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh Vũ và chị N phải chịu. Chị N tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí nêu trên nên được ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Trường V và chị Nguyễn Thị Kim N.

- Về con chung: Chị N được quyền nuôi 02 con chung tên là Lê Đình C, sinh ngày 10/11/2004 và Lê Thế V, sinh ngày 26/12/2013.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- Về nợ chung: Anh V và chị N cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị N đồng ý nộp toàn bộ số tiền lệ phí là 300.000đồng nhưng chị N thỏa thuận trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) **mà chị N đã** nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001192 ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAT (Phòng kiểm tra);
- **UBND xã A;**
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Phan Thị Mỹ Hạnh

